

## **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

#### **1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

- Tên dự án/ dự toán mua sắm: Mua sắm Văn phòng phẩm, Biểu mẫu, Đồ vải của Bệnh viện đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai.
- Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Đồ vải.
- Tên chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai.
- Nguồn kinh phí: Nguồn dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh thực hiện qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2025.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 234 Quốc Lộ 1, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai).

#### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:*

##### **a) Yêu cầu kỹ thuật chung:**

- Cam kết toàn bộ hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được phép lưu hành tại Việt Nam, mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2025 trở về sau, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Cam kết cung cấp chứng nhận xuất xứ và chất lượng của nhà sản xuất (CO, CQ) đối với hàng nhập khẩu hoặc cam kết cung cấp phiếu xuất xưởng và chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất đối với hàng hóa trong nước.
- Các chỉ tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hóa trong E-HSMT nêu ra là yêu cầu tối thiểu, nhà thầu có thể chào hàng hóa có chỉ tiêu kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn và chứng minh bằng tài liệu cụ thể.

**b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:**

Yêu cầu nhà thầu tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào thầu tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây. **Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu.** Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “**tương đương**” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT.

*Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:*

| STT | Danh mục                             | Thông số kỹ thuật   | Đvt | Số lượng |
|-----|--------------------------------------|---|-----|----------|
| 1   | Vải kate ford màu xanh số 10 (Bn nữ) | - Vải kate ford<br>- Khổ vải: 1m50<br>- Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ): 160.4 ± 2<br>- Định tính và định lượng nguyên liệu (%):<br>+ Polyester: 63.5 ± 2<br>+ Cotton: 36.5 ± 2<br>- Mật độ vải (sợi/10cm)<br>+ Dọc: 276 ± 2<br>+ Ngang: 274 ± 2<br>- Độ bền màu giặt 40 độ C (cấp): 4-5<br>- Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m)<br>+ Dọc: 882/S ± 2<br>+ Ngang: 851/S ± 2<br>- Vải không xù lông | mét | 1.600    |
| 2   | Vải kate ford màu xanh số 8 (Bn nam) | - Vải kate ford<br>- Khổ vải: 1m50<br>- Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ): 160.4 ± 2<br>- Định tính và định lượng nguyên   | mét | 1.600    |

|   |                                 |  |     |       |
|---|---------------------------------|--|-----|-------|
|   |                                 | liệu (%):<br>+ Polyester: $63.5 \pm 2$<br>+ Cotton: $36.5 \pm 2$<br>- Mật độ vải (sợi/10cm)<br>+ Dọc: $276 \pm 2$<br>+ Ngang: $274 \pm 2$<br>- Độ bền màu giặt 40 độ C (cấp):<br>4-5<br>- Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)<br>+ Dọc: $882/S \pm 2$<br>+ Ngang: $851/S \pm 2$<br>- Vải không xù lông   |     |       |
| 3 | Kaki màu Tím (khăn gói bộ PT)   | - Vải kaki chéo 2/1<br>- Khổ vải: 1m50<br>- Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ): $153 \pm 2$<br>- Định tính và định lượng nguyên liệu (%):<br>+ Polyester: $74.6 \pm 2$<br>+ Cotton: $25.4 \pm 2$<br>- Mật độ vải (sợi/10cm)<br>+ Dọc: $466 \pm 2$<br>+ Ngang: $242 \pm 2$<br>- Độ bền màu giặt 40 độ C (cấp):<br>4-5<br>- Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)<br>+ Dọc: $885 \pm 2$<br>+ Ngang: $865 \pm 2$<br>- Vải không xù lông | mét | 1.000 |
| 4 | Kaki Xanh lá (khăn trải bàn mỗ) | - Vải kaki chéo 2/1<br>- Khổ vải: 1m50<br>- Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ): $153 \pm 2$<br>- Định tính và định lượng nguyên liệu (%):<br>+ Polyester: $74.6 \pm 2$   | mét | 1.000 |

|   |   |   |     |       |
|---|---|---|-----|-------|
|   |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cotton: <math>25.4 \pm 2</math></li> <li>- Mật độ vải (sợi/10cm)</li> <li>+ Dọc: <math>466 \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>242 \pm 2</math></li> <li>- Độ bền màu giặt 40 độ C (cấp): 4-5</li> <li>- Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)</li> <li>+ Dọc: <math>885 \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>865 \pm 2</math></li> <li>- Vải không xù lông</li> </ul>  |     |       |
| 5 | Kaki Xanh Biển<br>(May áo choàng<br>phẫu thuật) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kaki chéo 2/1</li> <li>- Khổ vải: 1m50</li> <li>- Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>): <math>153 \pm 2</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu (%):</li> <li>+ Polyester: <math>74.6 \pm 2</math></li> <li>+ Cotton: <math>25.4 \pm 2</math></li> <li>- Mật độ vải (sợi/10cm)</li> <li>+ Dọc: <math>466 \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>242 \pm 2</math></li> <li>- Độ bền màu giặt 40 độ C (cấp): 4-5</li> <li>- Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)</li> <li>+ Dọc: <math>885 \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>865 \pm 2</math></li> <li>- Vải không xù lông,</li> </ul> | mét | 3.000 |
| 6 | Kate ford xanh biển<br>(khăn PT)                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kate ford</li> <li>- Khổ vải: 1m50</li> <li>- Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>): <math>160.4 \pm 2</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu (%):</li> <li>+ Polyester: <math>63.5 \pm 2</math></li> <li>+ Cotton: <math>36.5 \pm 2</math></li> <li>- Mật độ vải (sợi/10cm)</li> </ul>  | mét | 4.000 |

|   |                            |   |     |       |
|---|----------------------------|---|-----|-------|
|   |                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: <math>276 \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>274 \pm 2</math></li> <li>- Độ bền màu giặt 40 độ C (cấp): 4-5</li> <li>- Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)</li> <li>+ Dọc: <math>882/S \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>851/S \pm 2</math></li> <li>- Vải không xù lông</li> </ul>  |     |       |
| 7 | Kate ford màu số 22 (PTV)  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kate ford</li> <li>- Khổ vải: 1m50</li> <li>- Khối lượng vải (<math>g/m^2</math>): <math>160.4 \pm 2</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu (%):</li> <li>+ Polyester: <math>63.5 \pm 2</math></li> <li>+ Cotton: <math>36.5 \pm 2</math></li> <li>- Mật độ vải (sợi/10cm)</li> <li>+ Dọc: <math>276 \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>274 \pm 2</math></li> <li>- Độ bền màu giặt 40 độ C (cấp): 4-5</li> <li>- Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)</li> <li>+ Dọc: <math>882/S \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>851/S \pm 2</math></li> <li>- Vải không xù lông</li> </ul> | mét | 1.000 |
| 8 | Vải calicot (khăn lau tay) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải Calicot</li> <li>- Khổ vải: 1m50</li> <li>- Khối lượng vải (<math>g/m^2</math>): <math>129 \pm 2</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Cotton 100%</li> <li>- Mật độ vải (sợi/10cm)</li> <li>+ Dọc: <math>280 \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>260 \pm 2</math></li> <li>- Độ bền đứt băng vải (N):</li> <li>+ Dọc: <math>834.1 \pm 2</math></li> </ul>   | mét | 500   |

|    |                                |   |     |       |
|----|--------------------------------|---|-----|-------|
|    |                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngang: <math>314.6 \pm 2</math></li> <li>- Độ dẫn đứt băng vải (%):</li> <li>+ Dọc: <math>9 \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>12.1 \pm 2</math></li> <li>- Độ bền màu tốt</li> <li>- Vải không xù lông</li> </ul>   |     |       |
| 9  | Vải láng dầu (chống thấm PT)   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chất liệu: Vải láng dầu</li> <li>+ Khổ vải: 1m50</li> <li>+ Thành phần 100% polyester có cán lớp chống thấm.</li> </ul>  | mét | 500   |
| 10 | Kaki trắng (Drap trải giường)  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải kaki chéo 2/1</li> <li>- Khổ vải: 1m50</li> <li>- Khối lượng vải (<math>\text{g}/\text{m}^2</math>): <math>153 \pm 2</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu (%):</li> <li>+ Polyester: <math>74.6 \pm 2</math></li> <li>+ Cotton: <math>25.4 \pm 2</math></li> <li>- Mật độ vải (sợi/10cm)</li> <li>+ Dọc: <math>466 \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>242 \pm 2</math></li> <li>- Độ bền màu giặt 40 độ C (cấp): 4-5</li> <li>- Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)</li> <li>+ Dọc: <math>885 \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>865 \pm 2</math></li> <li>- Vải không xù lông</li> </ul> | mét | 2.500 |
| 11 | Vải kaki cotton 100% màu trắng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải Kaki chéo 100% cotton</li> <li>- Khổ vải: 1m50</li> <li>- Khối lượng vải (<math>\text{g}/\text{m}^2</math>): <math>190.6 \pm 2</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu (%): 100 Cotton</li> <li>- Mật độ vải (sợi/10cm)</li> <li>+ Dọc: <math>555 \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>284 \pm 2</math></li> </ul>   | mét | 200   |

|    |   |   |     |     |
|----|---|---|-----|-----|
|    |   | - Độ bền màu giặt 40 độ C (cấp):<br>4-5   |     |     |
| 12 | Vải Kate in bông<br>màu hồng (May áo<br>váy sản sanh) | - Vải Kate silk<br>- Khổ vải: 1m50<br>- Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ): 123 ± 2<br>- Định tính và định lượng nguyên<br>liệu (%): 100% polyester<br>- Mật độ vải (sợi/10cm)<br>+ Dọc: 1300 ± 2<br>+ Ngang: 495 ± 2<br>- Độ bền màu giặt 40 độ C (cấp):<br>4-5<br>- Vải không xù lông | mét | 500 |
| 13 | Vải Kate in bông<br>màu xanh (Bộ váy<br>sản phụ)      | - Vải Kate silk<br>- Khổ vải: 1m50<br>- Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ): 123 ± 2<br>- Định tính và định lượng nguyên<br>liệu (%): 100% polyester<br>- Mật độ vải (sợi/10cm)<br>+ Dọc: 1300 ± 2<br>+ Ngang: 495 ± 2<br>- Độ bền màu giặt 40 độ C (cấp):<br>4-5<br>- Vải không xù lông | mét | 500 |
| 14 | Vải kate MĐV in<br>họa tiết nền xanh<br>ngọc          | - Vải Kate<br>- Khổ vải: 1m50<br>- Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ): 123 ± 2<br>- Định tính và định lượng nguyên<br>liệu (%):<br>+ Polyester: 63.5 ± 2<br>+ Cotton: 36.5 ± 2<br>- Mật độ vải (sợi/10cm)<br>+ Dọc: 1300 ± 2<br>+ Ngang: 495 ± 2  | mét | 500 |

|    |  |  |     |     |
|----|--|--|-----|-----|
|    |  | - Độ bền màu giặt 40 độ C (cấp):<br>4-5  |     |     |
| 15 | Vải Oxford màu<br>vàng chanh (áo thăm<br>nuôi) | - Vải Oxford<br>- Khô vải: 1m50<br>- Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ): 170 ± 2<br>- Định tính và định lượng nguyên<br>liệu (%): 100 Polyesster<br>- Mật độ vải (sợi/10cm)<br>+ Dọc: 230 ± 2<br>+ Ngang: 230 ± 2<br>- Độ bền màu giặt 40 độ C (cấp):<br>4-5 | mét | 500 |

### 1.3. Các yêu cầu khác:

- Có cam kết thu hồi hàng hóa và đổi hàng hóa mới 100% cho chủ đầu tư trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của chủ đầu tư.

- Có cam kết thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Cung cấp hàng hóa theo tiến độ yêu cầu như sau: Mỗi tháng, nhà thầu cung cấp hàng hóa theo bảng dự trù Chủ đầu tư gửi qua thư điện tử hoặc zalo. Trong vòng 02 ngày kể từ khi nhận được dự trù, nhà thầu phải giao đầy đủ hàng hóa.

- Nhà thầu có trách nhiệm vận chuyển, giao nhận đối với tất cả các hàng hóa trong phạm vi cung cấp.

- Cam kết nếu nhà thầu được trao hợp đồng, nhà thầu phải cung cấp 01 bộ vải mẫu để chủ đầu tư test độ cảm màu.

+ Phương pháp test độ cảm màu: Ngâm giặt vải theo quy trình giặt đồ vải lây nhiễm có dính máu, dịch tiết. Hàng hóa phải có độ cảm màu đạt 95%, giặt tẩy theo quy trình đồ vải nhiễm.

### Mục 2. Bản vẽ: Không có

### Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng, trường hợp hàng hóa cung cấp không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng, thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế

bằng hàng hóa khác đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền ngưng việc thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư có quyền mua tại đơn vị cung cấp khác có thể giá cao hơn, mọi chi phí phát sinh sẽ do nhà thầu chịu.